

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH- TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 01 -2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thống và Ông Hà Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Cù Văn T(Cù Đức T), sinh năm 1974; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1975; vắng mặt.

Cùng cư trú tại địa chỉ: Thôn 10, xã CN, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Cù Văn T(Cù Đức T) trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bùi Thị N trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18/10/1995 tại UBND xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị N.

- Về con chung: Anh và Chị Bùi Thị N có 02 con chung là cháu Cù Văn N, sinh ngày 09/8/1996 và cháu Cù Quốc V, sinh ngày 06.5.1999. Hiện nay hai cháu đã

đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng chị Bùi Thị N không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cù Văn T(Cù Đức T) để xử cho anh Cù Văn T(Cù Đức T) được ly hôn với chị Bùi Thị N. Về nuôi con chung: Các cháu đã đến tuổi trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị đơn – chị Bùi Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Cù Văn T(Cù Đức T) và chị Bùi Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ ngày 18/10/1995, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập chị N nhiều lần để hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do thể hiện việc chị N không có thiện chí hoà giải. Qua xác minh tại địa phương, thôn bản thì được biết anh T và chị N vẫn có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã CN, huyện Yên Bình từ năm

2001 đến nay, trong cuộc sống tại địa phương thì họ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thôn bản cũng nắm được thông tin, cách đây 5-6 năm thì 2 vợ chồng họ sống ly thân, anh T về ở với bố mẹ đẻ ngoài thành phố Yên Bái, thi thoảng có việc mới về nhà ở Cẩm Nhân xong lại đi luôn, còn chị N vẫn sinh sống tại địa phương cùng các con. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T và Chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh T được ly hôn với Chị N.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh T và Chị N có 02 con chung là cháu Cù Văn N, sinh ngày 09/8/1996 và cháu Cù Quốc V, sinh ngày 06.5.1999. Hiện nay hai cháu đã đến tuổi trưởng thành và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Cù Văn T (Cù Đức T) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4, Điều 147, Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Anh Cù Văn T (Cù Đức T) được ly hôn với Chị Bùi Thị N.

2. *Về án phí*: Anh Cù Văn T (Cù Đức T) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006874 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (anh T đã nộp đủ án phí).

3- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA DS huyện Yên Bình
- Các đương sự;
- UBND xã CN;

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

- Lưu HS, TA.

Hoàng Kim Sơn

